

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 01/TTK-ARV2022-TTMS-TBYTHN

V/v cung cấp thuốc thuộc Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn Bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 22/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế

Căn cứ Quyết định số 5421/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc ARV sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-TTMS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTMS ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-TTMS ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí đồng chi trả cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc năm 2022;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung số 226/TTMS-NVĐT ngày 18/5/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Hôm nay, ngày ...20... tháng 5 năm 2022, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia
- Đại diện: Ông Lê Thanh Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 6273 2383

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội
- Giấy đăng ký kinh doanh: 0100109699
- Đại diện: Ông Đinh Văn Đông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 2 Hàng Bài, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 028 3815 9870

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2022 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu cung ứng thuốc từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2022 theo kế hoạch sử dụng thuốc và nhu cầu điều trị hàng quý được cơ sở y tế gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý liền kề trước đó. Trường hợp đặc biệt, nhà thầu cung ứng theo yêu cầu của Cục Phòng, chống HIV/AIDS và cơ quan đầu mối Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.

- Các cơ sở y tế dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của cơ sở y tế theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2022.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù

hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến tạm ứng cho nhà thầu bằng 80% giá trị thuốc kháng HIV nguồn bảo hiểm y tế theo kế hoạch tiếp nhận thuốc của các cơ sở y tế của quý đầu tiên thực hiện hợp đồng, từ quý thứ hai trở đi tạm ứng bằng 80% chi phí thuốc kháng HIV nguồn quỹ bảo hiểm y tế người bệnh đã sử dụng của quý trước liền kề, việc tạm ứng tiếp tục thực hiện cho nhà thầu đến khi thanh lý hợp đồng.

- Hàng quý, căn cứ vào quyết toán chi phí thuốc kháng HIV nguồn quỹ bảo hiểm y tế người bệnh đã sử dụng của quý trước liền kề, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến thanh toán cho nhà thầu chi phí còn lại sau khi trừ đi chi phí đã tạm ứng của quý đó. Trường hợp số đã tạm ứng lớn hơn số phải thanh toán thì thực hiện giảm trừ vào số tạm ứng của quý tiếp theo.

3.3. Thanh lý hợp đồng:

Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến chịu trách nhiệm thanh lý hợp đồng cho nhà thầu sau khi số lượng thuốc kháng HIV nguồn quỹ bảo hiểm y tế cung ứng cho các cơ sở y tế đã được người bệnh bảo hiểm y tế sử dụng hết. Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến và nhà thầu thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật và các điều khoản trong văn bản thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV nguồn bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2022.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm MSTTTQG để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu.

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận khung, nhà thầu phải hoàn thành việc ký kết hợp đồng cung ứng thuốc với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng bổ sung cung ứng thuốc với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến trong trường hợp phát sinh cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua.

- Nhà thầu có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng/hợp đồng bổ sung (nếu có) kèm theo phụ lục cho Trung tâm MSTTTQG, Cục Phòng, chống HIV/AIDS, cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh và cơ sở y tế theo Danh sách của cơ sở y tế do Cục Phòng, chống HIV/AIDS cung cấp.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt.

- Trong vòng 10 ngày nhà thầu có trách nhiệm cung ứng thuốc đến kho của cơ sở y tế theo kế hoạch sử dụng thuốc và nhu cầu điều trị hàng quý được cơ sở y tế gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý liền kề trước đó. (Trường hợp đặc biệt, nhà thầu cung ứng theo yêu cầu của Cục Phòng, chống HIV/AIDS và cơ quan đầu mối Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh).

- Báo cáo số lượng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế đã cung cấp cho cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung ứng thuốc kháng HIV theo quy định cụ thể như sau:

- + Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm không vượt quá 20% so với số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung, trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách các cơ sở y tế và số lượng thuốc đề nghị mua tăng thêm theo văn bản đề nghị của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, Nhà thầu có trách nhiệm ký phụ lục hợp đồng mua thuốc bổ sung với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến cung ứng cho các cơ sở y tế đề nghị mua bổ sung đáp ứng theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- + Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng tăng thêm vượt quá 20% số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc số lượng thuốc tồn kho không đủ nhu cầu điều trị mà nhà thầu không cung cấp được kịp thời theo kế hoạch tiếp nhận: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan đầu mối

phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, nhà thầu có trách nhiệm cung ứng thuốc theo đúng yêu cầu của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.

+ Trường hợp số lượng thuốc cần điều tiết vượt quá 20% tổng số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, nhà thầu có trách nhiệm cung ứng thuốc theo yêu cầu của Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

+ Trường hợp phát sinh cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc: Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng bổ sung cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế phát sinh nhu cầu, nhà thầu thực hiện việc cung ứng thuốc theo đúng yêu cầu của Cục Phòng, chống HIV/AIDS và gửi văn bản thông báo Cục Phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để theo dõi, tổng hợp.

+ Trường hợp số lượng thuốc còn tồn kho tại cơ sở y tế thừa so với nhu cầu điều trị hoặc thuốc chỉ còn hạn sử dụng dưới 6 tháng (bao gồm cả thuốc còn tồn kho được chuyển từ năm trước sang):

- ✓ Điều tiết trong tỉnh: Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, nhà thầu thực hiện việc điều tiết thuốc theo đúng yêu cầu của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh và gửi văn bản thông báo cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để theo dõi, tổng hợp;
- ✓ Điều tiết toàn quốc: Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, nhà thầu thực hiện việc điều tiết thuốc theo yêu cầu của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, gửi văn bản thông báo Cục Phòng, chống HIV/AIDS để theo dõi, tổng hợp và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để điều tiết số lượng thuốc của cơ sở y tế trên hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế.

- Nhà thầu thực hiện việc điều tiết thuốc theo yêu cầu của Cục Phòng chống HIV/AIDS và cơ quan đầu mối Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh trong các trường hợp đặc biệt.

- Trường hợp thuốc mất, hỏng, hết hạn do nhà thầu trúng thầu gây ra thì nhà thầu đó phải chịu trách nhiệm và không được thanh toán từ nguồn bảo hiểm y tế.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII trong Hồ sơ mời thầu;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng ký giữa Nhà thầu với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến.

- Nhà thầu xem xét việc cung ứng hàng hóa theo tình hình cập nhật chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của người nhiễm HIV của từng cơ sở y tế trên Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm.

7. Trách nhiệm của Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian 20 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận khung, theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTTQG phê duyệt.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022.
- Thanh toán và thanh lý hợp đồng với nhà thầu cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.
- Quyết toán kinh phí thuốc kháng vi rút HIV theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm y tế.
- Gửi bản sao hợp đồng/hợp đồng bổ sung (nếu có) kèm theo phần phụ lục của từng tỉnh cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Phối hợp điều tiết và giám sát tình hình thực hiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.
- Sau khi nhận được thông báo từ Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc cho cơ sở y tế trong trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của cơ sở y tế.
- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm MSTTTQG xử lý vi phạm của nhà thầu theo quy định trong trường hợp nhà thầu không có khả năng cung cấp thuốc cho cơ sở y tế đồng thời thông báo cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS.
- Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến có trách nhiệm ký kết hợp đồng bổ sung cung ứng thuốc với nhà thầu trong trường hợp phát sinh cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua.
- Đối với trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm không vượt quá 20% so với số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung, căn cứ danh sách các cơ sở y tế và số lượng thuốc đề nghị mua tăng thêm do Nhà thầu tổng hợp kèm theo văn bản đề nghị của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến có trách nhiệm ký phụ lục hợp đồng mua thuốc bổ sung với Nhà thầu để cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế đề nghị mua bổ sung đáp ứng theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

8. Trách nhiệm của cơ sở y tế

- Căn cứ hợp đồng đã ký, kế hoạch sử dụng thuốc và nhu cầu điều trị trong quý, cơ sở y tế lập kế hoạch tiếp nhận thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế trước ngày 20 của tháng cuối quý liền kề trước đó và gửi nhà thầu, đồng thời gửi cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh để tổng hợp và báo cáo Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để theo dõi.
- Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm không quá 20% số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung, cơ sở y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiếp nhận thuốc tăng thêm không vượt quá 20% so với số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung gửi Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh

để kiểm tra, rà soát số lượng thuốc mua thêm đáp ứng theo quy định tại Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm vượt quá 20% số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc số lượng thuốc tồn kho không đủ nhu cầu điều trị mà nhà thầu không cung cấp được kịp thời theo kế hoạch tiếp nhận, cơ sở y tế gửi văn bản đề nghị điều tiết thuốc cho Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.

- Trường hợp số lượng thuốc còn tồn kho tại cơ sở y tế thừa so với nhu cầu điều trị hoặc thuốc chỉ còn hạn sử dụng dưới 6 tháng (bao gồm cả thuốc còn tồn kho được chuyển từ năm trước sang), cơ sở y tế có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị điều tiết thuốc về Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh.

- Trường hợp thuốc mất, hỏng, hết hạn do cơ sở y tế gây ra hoặc cơ quan BHXH từ chối thanh toán do sử dụng thuốc sai quy định thì cơ sở y tế đó phải chịu trách nhiệm và không được thanh toán từ nguồn bảo hiểm y tế.

- Trường hợp thuốc kháng HIV còn tồn kho đã báo cáo Cục Phòng, chống HIV/AIDS để thực hiện điều phối nhưng không có cơ sở y tế nhận hoặc trường hợp cơ sở y tế không thực hiện việc điều tiết hoặc thực hiện việc đề nghị điều tiết thuốc không đúng thời hạn quy định dẫn đến hết hạn sử dụng thì cơ sở y tế nơi có thuốc tồn kho phải chịu trách nhiệm và không được thanh toán vào nguồn bảo hiểm y tế.

- Cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh trong trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của cơ sở y tế.

- Báo cáo số lượng thuốc đã sử dụng trong tháng, số lượng thuốc và hạn sử dụng của thuốc tồn kho gửi cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh để có căn cứ điều tiết thuốc cho các cơ sở y tế khác trong phạm vi cung cấp của tỉnh;

- Cập nhật chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của người nhiễm HIV theo quy định của Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh theo quy định.

9. Trách nhiệm của cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh

- Quản lý tình hình sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế trên địa bàn; thực hiện điều tiết thuốc, cụ thể:

- a. Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm không vượt quá 20% số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung, Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh có trách nhiệm rà soát số lượng thuốc đề nghị mua tăng thêm đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và gửi văn bản đề nghị mua thuốc cho Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến và nhà thầu trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở y tế.

- b. Trường hợp cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc tăng thêm vượt quá 20% số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc số lượng thuốc tồn kho không đủ nhu cầu điều trị mà nhà thầu không cung cấp được kịp thời theo kế hoạch tiếp nhận:

- ✓ Chỉ điều tiết số lượng thuốc tăng thêm không vượt quá 20% tổng số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn.
- ✓ Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều tiết của cơ sở y tế, cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh có trách nhiệm rà soát số lượng thuốc sử dụng, số lượng thuốc còn tồn kho, số lượng thuốc còn lại trong thỏa thuận khung của các cơ sở y tế trên địa bàn để quyết định việc điều tiết và gửi văn bản tới: Cơ sở y tế dự kiến được điều tiết (chuyển đến và chuyển đi); Nhà thầu để thực hiện điều tiết; Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để điều tiết số lượng thuốc của cơ sở y tế trên hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế và theo dõi, tổng hợp; Cục Phòng, chống HIV/AIDS để theo dõi, tổng hợp.
- ✓ Trường hợp Số lượng thuốc cần điều tiết tăng thêm vượt quá 20% tổng số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn: Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh có văn bản đề nghị điều tiết thuốc cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều tiết của cơ sở y tế.

c. Trường hợp phát sinh cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc: Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế của các cơ sở y tế, văn bản đề nghị điều tiết thuốc, các tài liệu chứng minh cơ sở y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế sử dụng thuốc kháng HIV gửi Sở Y tế thẩm định và có văn bản đề nghị Cục Phòng, chống HIV/AIDS để điều tiết.

d. Trường hợp số lượng thuốc còn tồn kho tại cơ sở y tế thừa so với nhu cầu điều trị hoặc thuốc chỉ còn hạn sử dụng dưới 6 tháng (bao gồm cả thuốc còn tồn kho được chuyển từ năm trước sang): Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều tiết của cơ sở y tế, Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh rà soát nhu cầu điều trị của các cơ sở y tế thuộc phạm vi địa phương.

- ✓ Trường hợp có thể điều tiết trong phạm vi tỉnh: Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh có văn bản thông báo cho cơ sở y tế và nhà thầu để thực hiện điều tiết.
- ✓ Trường hợp không thể điều tiết trong phạm vi tỉnh: Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh có văn bản đề nghị Cục Phòng, chống HIV/AIDS để thực hiện việc điều tiết.

- Hàng quý, tổng hợp báo cáo tình hình phân phối, sử dụng và điều chỉnh (nếu có) thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế của các cơ sở trên địa bàn báo cáo Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

- Báo cáo Cục Phòng, chống HIV/AIDS trong trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của cơ sở y tế.

10. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Tổ chức thực hiện đấu thầu, tiến hành thương thảo, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký văn bản thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu và công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận khung, Trung tâm MSTTTQG có trách nhiệm gửi văn bản thỏa thuận khung và quyết định phê duyệt kết

quả lựa chọn nhà thầu cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán Đa tuyến; Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

- Chủ trì, giám sát, quản lý tình hình cung ứng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế của nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đúng tiến độ theo quy định tại thỏa thuận khung.

- Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trong trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của cơ sở y tế sau khi nhận được thông báo từ Cục Phòng, chống HIV/AIDS.

- Phối hợp với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến xử lý vi phạm của nhà thầu theo quy định đồng thời thông báo cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS trong trường hợp nhà thầu không có khả năng cung cấp thuốc cho cơ sở y tế.

- Phối hợp với Nhà thầu và Cục Phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại cơ sở y tế (nếu có).

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký hợp đồng với Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến.

11. Trách nhiệm của Cục Phòng, chống HIV/AIDS:

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh thực hiện việc lập kế hoạch nhu cầu sử dụng, báo cáo tình hình sử dụng và điều tiết thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế;

- Cục Phòng, chống HIV/AIDS thực hiện việc điều tiết trong phạm vi toàn quốc khi số lượng thuốc cần điều tiết vượt quá 20% tổng số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn và không được vượt quá 30% tổng số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung cho tất cả các cơ sở y tế trên toàn quốc.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh; Cục Phòng, chống HIV/AIDS có trách nhiệm rà soát số lượng thuốc sử dụng, số lượng thuốc còn tồn kho, số lượng thuốc còn lại trong thỏa thuận khung của các cơ sở y tế trên toàn quốc để quyết định việc điều tiết và có văn bản gửi Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh dự kiến được điều tiết (chuyển đến và chuyển đi); Nhà thầu để thực hiện điều tiết; Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến để điều tiết số lượng thuốc của cơ sở y tế trên hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế và để theo dõi, tổng hợp; Trung tâm MSTTTQG;

- Trường hợp phát sinh cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh; Cục Phòng, chống HIV/AIDS tổng hợp, rà soát nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV nguồn bảo hiểm y tế của tỉnh đề nghị điều tiết và các tỉnh khác trên toàn quốc để điều tiết, có văn bản gửi Trung tâm MSTTTQG, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến và Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh để bổ sung vào danh sách cơ sở sử dụng thuốc kháng HIV nguồn bảo hiểm y tế và có văn bản thông báo cho nhà thầu để thực hiện điều tiết;

- Trường hợp số lượng thuốc còn tồn kho tại cơ sở y tế thừa so với nhu cầu điều trị hoặc thuốc chỉ còn hạn sử dụng dưới 6 tháng (bao gồm cả thuốc còn tồn kho được chuyển từ năm trước sang). Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, Cục Phòng, chống HIV/AIDS phải có văn bản gửi nhà thầu để thực hiện điều tiết thuốc đối với cơ sở y tế có khả năng tiếp nhận số thuốc cần được điều tiết.

- Các trường hợp không thể thực hiện điều tiết, Cục Phòng, chống HIV/AIDS có văn bản trả lời Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh để thông báo cho cơ sở y tế.

- Phối hợp với Trung tâm MSTTTQG và Trung tâm giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến giám sát tình hình thực hiện văn bản thỏa thuận khung, hợp đồng cung ứng thuốc kháng HIV từ nguồn bảo hiểm y tế.

- Trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của cơ sở y tế: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo từ cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tỉnh, Cục Phòng, chống HIV/AIDS thông báo cho Trung tâm MSTTTQG và Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến để kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc cho cơ sở y tế.

12. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến thực hiện ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022

13. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Trung tâm MSTT Thuốc QG giữ 02 bản, Cục Phòng, chống HIV/AIDS giữ 01 bản, Trung tâm Giám định Bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến giữ 01 bản, Nhà thầu giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đình Văn Đông

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MSTT
THUỐC QUỐC GIA
Y GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC

GÓI THẦU: CUNG CẤP THUỐC ARV NGUỒN BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHI PHÍ ĐỒNG CHI TRẢ CHO CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ TRÊN TOÀN QUỐC NĂM 2022
(Kèm theo Thỏa thuận khung số 01/TTK-ARV2022-TTMS-TBYTHN ngày 20 tháng 5 năm 2022)

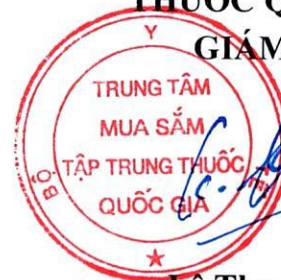
Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
A01.N2	Aviranz tablets 600mg	Efavirenz	600 mg	Nhóm 2	VN3-92-18	Viên nén bao phim	Uống	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	2.495	303.555	757.369.725
A01.N5	Aviranz tablets 600mg	Efavirenz	600 mg	Nhóm 5	VN3-92-18	Viên nén bao phim	Uống	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	2.495	992.062	2.475.194.690
Tổng cộng													3.232.564.415

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Văn Đông

ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MSTT
THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHỤ LỤC II: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO MẶT HÀNG

(Kèm theo Kèm theo Thỏa thuận khung số 01 /TTK-ARV2022-TTMS-TBYTHN ngày 20 tháng 5 năm 2022)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
1	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	303.555	72.018	80.305	75.059	76.173	757.369.725	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội		
1	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
2	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.940	600	780	780	780	7.335.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương
3	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	500	110	130	130	130	1.247.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương
4	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	378	72	90	108	108	943.110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương
5	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương
6	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.074	240	264	282	288	2.679.630	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Dĩ An	Bình Dương
7	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	144	162	162	162	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương
8	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.110	300	270	270	270	2.769.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
9	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk
10	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	15.110	3.650	3.750	3.840	3.870	37.699.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp
11	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.610	630	630	600	750	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội
12	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.890	2.280	2.610	0	0	12.200.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miễn Dịch	Hà Nội
13	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.360	420	630	590	720	5.888.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội
14	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.850	7.650	4.230	4.470	4.500	52.020.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương
15	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.820	490	450	480	400	4.540.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang
16	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.710	570	1.770	1.770	600	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
17	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.860	300	360	600	600	4.640.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình
18	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000	19.960.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình
19	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình
20	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.070	570	450	510	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh
21	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh
22	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	675	180	180	180	135	1.684.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh
23	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	0	180	0	180	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
24	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức-cơ sở 2	Hồ Chí Minh
25	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
26	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	480	120	120	120	120	1.197.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh
27	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.120	780	780	780	780	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh
28	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.875	0	5.437	0	5.438	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuốc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh
29	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.350	990	1.080	1.380	900	10.853.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
30	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh
31	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh
32	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.860	2.700	2.700	2.700	2.760	27.095.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh
33	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.348	1.837	1.837	1.837	1.837	18.333.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
34	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.230	2.550	2.550	2.550	2.580	25.523.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh
35	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	11.220	1.350	2.910	3.540	3.420	27.993.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh
36	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	840	210	210	210	210	2.095.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
37	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
38	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
39	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	9.700	2.425	2.425	2.425	2.425	24.201.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
40	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.080	2.160	2.220	3.450	2.250	25.149.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
41	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
42	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.200	1.800	1.800	1.800	1.800	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
43	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum
44	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum
45	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai
46	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.950	600	450	450	450	4.865.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai
47	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng
48	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.890	450	450	450	540	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cần Đức	Long An
49	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận
50	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.400	600	600	600	600	5.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
51	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh
52	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.185	710	720	855	900	7.946.575	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
53	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.360	750	750	810	1.050	8.383.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
54	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.500	0	2.250	2.250	0	11.227.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long
II	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	992.062	257.152	236.072	251.265	247.573	2.475.194.690	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội		
55	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sân Nhì	An Giang
56	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang
57	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang
58	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.240	810	810	810	810	8.083.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện An Phú	An Giang
59	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.700	4.050	2.340	2.610	2.700	29.191.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Châu Phú	An Giang
60	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.520	3.870	2.340	2.610	2.700	28.742.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	An Giang

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
61	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.930	3.900	3.960	4.020	4.050	39.745.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tĩnh Biên	An Giang
62	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	3.000	1.740	1.920	1.980	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	An Giang
63	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.750	1.170	4.740	4.890	4.950	39.296.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế thành Phố Long Xuyên	An Giang
64	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.900	1.620	1.710	1.770	1.800	17.215.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Thành Phố Châu Đốc	An Giang
65	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu
66	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.670	3.680	3.330	3.330	3.330	34.106.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu
67	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.880	1.290	1.410	1.560	1.620	14.670.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu
68	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu
69	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.920	3.840	3.270	3.390	3.420	34.730.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu
70	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu
71	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	9.720	2.640	2.130	2.430	2.520	24.251.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu
72	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu
73	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	180	270	360	360	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu
74	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang
75	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.630	1.500	1.590	1.740	1.800	16.541.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang
76	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Bắc Giang
77	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre
78	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.200	3.300	3.300	3.300	3.300	32.934.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
79	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVDKKV Củ Lao Minh	Bến Tre
80	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương
81	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.930	430	500	500	500	4.815.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương
82	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.512	288	360	432	432	3.772.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương
83	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
84	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.296	960	1.056	1.128	1.152	10.718.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương
85	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.350	270	360	360	360	3.368.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương
86	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.520	576	648	648	648	6.287.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương
87	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.454	4.176	5.946	6.576	6.756	58.517.730	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước
88	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.420	810	810	900	900	8.532.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau
89	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau
90	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	540	420	90	30	0	1.347.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng
91	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa quân Ô Môn	Cần Thơ
92	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	16.200	4.050	4.050	4.050	4.050	40.419.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa quân Thốt Nốt	Cần Thơ
93	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	14.010	3.510	3.510	3.510	3.480	34.954.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ
94	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ
95	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quân Bình Thủy	Cần Thơ
96	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	120	540	540	540	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	Cần Thơ
97	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.160	2.430	2.700	2.970	3.060	27.844.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
98	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	150	60	60	60	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk
99	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	390	450	450	450	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông
100	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.980	450	450	540	540	4.940.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông
101	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	150	180	180	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil	Đắk Nông
102	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông
103	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên
104	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	60	90	90	90	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên
105	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên
106	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
107	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	35.380	8.500	8.760	9.030	9.090	88.273.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp
108	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.540	2.310	1.350	1.440	1.440	16.317.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp
109	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang
110	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam
111	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân	Hà Nam
112	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Liêm	Hà Nam
113	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	2.610	1.800	2.070	2.160	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội
114	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.825	4.185	2.880	2.880	2.880	31.998.375	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Đa	Hà Nội
115	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội
116	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	810	630	630	630	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Hà Nội
117	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.610	630	630	750	600	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội
118	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.030	1.440	1.530	1.530	1.530	15.044.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Mai Hương	Hà Nội
119	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.230	270	270	330	360	3.068.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ	Hà Nội
120	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.150	1.260	630	630	630	7.859.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bùn -	Hà Nội
121	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.370	0	0	2.670	2.700	13.398.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội
122	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.700	900	900	1.000	900	9.231.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội
123	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.170	1.440	1.620	1.710	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám đa khoa Linh Đàm quận Hoàng Mai	Hà Nội
124	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.930	6.930	3.930	4.020	4.050	47.230.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT quận Long Biên)	Hà Nội
125	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội
126	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
127	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	17.520	4.200	4.350	4.470	4.500	43.712.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng
128	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.380	3.240	3.330	3.390	3.420	33.383.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
129	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	Hải Phòng
130	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.290	1.050	1.080	1.080	1.080	10.703.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng
131	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.650	1.140	1.170	1.170	1.170	11.601.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng
132	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.140	1.500	840	900	900	10.329.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	Hải Phòng
133	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện An Dương	Hải Phòng
134	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	Hải Phòng
135	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng
136	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	1.440	810	810	810	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hải An	Hải Phòng
137	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm y tế Quận Hồng Bàng	Hải Phòng
138	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.240	2.280	1.260	1.350	1.350	15.568.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	Hải Phòng
139	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	Hải Phòng
140	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.840	500	450	480	410	4.590.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang
141	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.000	1.200	2.100	2.100	600	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
142	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.720	780	990	930	1.020	9.281.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình
143	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.640	880	880	910	970	9.081.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình
144	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	240	60	60	60	60	598.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình
145	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.600	1.650	1.650	1.650	1.650	16.467.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh
146	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.575	420	420	420	315	3.929.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh
147	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh
148	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	0	180	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
149	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.820	2.205	2.205	2.205	2.205	22.005.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	Hồ Chí Minh
150	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.190	540	540	540	570	5.464.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh
151	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.150	1.537	1.537	1.538	1.538	15.344.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
152	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	870	870	870	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y Tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh
153	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	170	170	170	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	Hồ Chí Minh
154	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.090	780	780	780	750	7.709.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS (Thuộc Trung tâm Y tế huyện Củ Chi)	Hồ Chí Minh
155	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.875	5.437	0	5.438	0	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuốc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh
156	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	990	1.080	1.380	1.350	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
157	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	405	405	405	405	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh
158	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	22.390	5.597	5.597	5.597	5.599	55.863.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh
159	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh
160	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.920	2.730	2.730	2.730	2.730	27.245.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh
161	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.352	1.838	1.838	1.838	1.838	18.343.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
162	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.320	2.580	2.580	2.580	2.580	25.748.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh
163	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	40.020	12.000	10.020	9.000	9.000	99.849.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh
164	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	960	240	240	240	240	2.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
165	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	20.500	5.125	5.125	5.125	5.125	51.147.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
166	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận- Cơ sở 2	Hồ Chí Minh
167	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình- cơ sở 2	Hồ Chí Minh
168	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.170	2.190	2.250	3.480	2.250	25.374.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
169	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
170	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.358	948	1.260	1.530	1.620	13.368.210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
171	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang
172	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.330	1.050	690	780	810	8.308.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	Kiên Giang
173	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.850	230	540	540	540	4.615.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Dường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
174	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang
175	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang
176	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang
177	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	540	450	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang
178	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.680	1.740	1.860	2.010	2.070	19.161.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang
179	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang
180	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa
181	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa
182	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	360	180	180	180	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lang Son
183	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên	Lào Cai
184	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	Lào Cai
185	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai
186	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.370	1.920	2.040	2.160	2.250	20.883.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An
187	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.120	600	750	870	900	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An
188	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	360	270	270	270	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An
189	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.680	600	360	360	360	4.191.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Hai hâu	Nam Định
190	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.610	1.800	1.800	1.800	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định
191	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình
192	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình
193	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình
194	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận
195	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDA hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
196	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.730	3.330	1.800	1.800	1.800	21.781.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận
197	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An
198	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	780	330	330	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An
199	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	450	270	270	270	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	Nghệ An
200	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Quý Châu	Nghệ An
201	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An
202	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An
203	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Nam Đàn	Nghệ An
204	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.250	1.710	1.980	2.070	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ
205	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.990	1.140	1.020	930	900	9.955.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ
206	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.390	810	810	870	900	8.458.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ
207	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phú Yên
208	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	900	990	990	990	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình
209	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.080	1.020	1.020	1.020	1.020	10.179.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
210	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hạ Long	Quảng Ninh
211	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Quảng Ninh
212	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	0	0	450	450	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh
213	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	420	90	150	90	90	1.047.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh
214	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	540	1.080	540	540	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	trung tâm y tế huyện Vân Đồn	Quảng Ninh
215	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	540	0	0	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh
216	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	450	900	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh



STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDR hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
217	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng
218	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	90	90	0	0	0	224.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La
219	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVĐK Bắc Yên	Sơn La
220	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.490	480	600	690	720	6.212.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La
221	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	315	405	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La
222	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.670	630	630	690	720	6.661.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La
223	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.400	1.920	2.040	2.190	2.250	20.958.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Xã Tráng Bàng	Tây Ninh
224	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.200	1.440	1.710	1.980	2.070	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang
225	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.580	1.080	1.350	1.530	1.620	13.922.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang
226	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	38.820	9.450	9.630	9.840	9.900	96.855.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang
227	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	360	360	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang
228	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	270	270	360	360	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang
229	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.220	450	540	600	630	5.538.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hang	Tuyên Quang
230	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.440	1.440	1.530	1.530	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang
231	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.710	960	1.110	1.290	1.350	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang
232	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình
233	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUNG HÁ	Thái Bình
234	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình
235	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình
236	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.790	630	720	720	720	6.961.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình
237	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.920	570	450	450	450	4.790.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình
238	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Dường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
239	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	810	900	900	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình
240	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.850	720	720	720	690	7.110.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện A	Thái Nguyên
241	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	660	450	510	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên
242	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	290	0	0	0	290	723.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên
243	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	180	0	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
244	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.550	2.790	930	930	900	13.847.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
245	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.175	700	720	855	900	7.921.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
246	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.620	1.080	1.050	1.140	1.350	11.526.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
247	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.570	1.320	0	0	2.250	8.907.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long
248	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc
249	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái
250	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái
251	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái
252	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái
253	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	120	120	120	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái
254	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHỤ LỤC III: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ
(Kèm theo Kèm theo Thỏa thuận khung số 04/TTK-ARV2022-TTMS-TBYTHN ngày 20 tháng 5 năm 2022)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
1	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi	An Giang
2	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Tân Châu	An Giang
3	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang
4	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.240	810	810	810	810	8.083.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện An Phú	An Giang
5	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.700	4.050	2.340	2.610	2.700	29.191.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Châu Phú	An Giang
6	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.520	3.870	2.340	2.610	2.700	28.742.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	An Giang
7	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.930	3.900	3.960	4.020	4.050	39.745.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên	An Giang
8	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	3.000	1.740	1.920	1.980	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	An Giang
9	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	15.750	1.170	4.740	4.890	4.950	39.296.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế thành Phố Long Xuyên	An Giang
10	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.900	1.620	1.710	1.770	1.800	17.215.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Thành Phố Châu Đốc	An Giang
11	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu
12	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.670	3.680	3.330	3.330	3.330	34.106.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu
13	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.880	1.290	1.410	1.560	1.620	14.670.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Long Điền	Bà Rịa - Vũng Tàu
14	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu
15	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.920	3.840	3.270	3.390	3.420	34.730.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	Bà Rịa - Vũng Tàu
16	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu
17	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	9.720	2.640	2.130	2.430	2.520	24.251.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bạc Liêu	Bạc Liêu

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
18	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu
19	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	180	270	360	360	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai	Bạc Liêu
20	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	540	540	540	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang
21	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.630	1.500	1.590	1.740	1.800	16.541.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang
22	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Bắc Giang
23	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre
24	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
25	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.200	3.300	3.300	3.300	3.300	32.934.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
26	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVĐKKV Cù Lao Minh	Bến Tre
27	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.940	600	780	780	780	7.335.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương
28	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	1.200	1.200	1.200	1.200	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương
29	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	500	110	130	130	130	1.247.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương
30	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.930	430	500	500	500	4.815.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương
31	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	378	72	90	108	108	943.110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương
32	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.512	288	360	432	432	3.772.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Phú Giáo	Bình Dương
33	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương
34	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	Bình Dương
35	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.074	240	264	282	288	2.679.630	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương
36	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.296	960	1.056	1.128	1.152	10.718.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	Bình Dương
37	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.350	270	360	360	360	3.368.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	Bình Dương
38	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	144	162	162	162	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương
39	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.520	576	648	648	648	6.287.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Bến Cát	Bình Dương

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
40	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.454	4.176	5.946	6.576	6.756	58.517.730	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Chơn Thành	Bình Phước
41	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.110	300	270	270	270	2.769.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
42	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.420	810	810	900	900	8.532.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tp Cà Mau	Cà Mau
43	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Cà Mau
44	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	540	420	90	30	0	1.347.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng
45	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	Cần Thơ
46	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	16.200	4.050	4.050	4.050	4.050	40.419.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa quận Thốt Nốt	Cần Thơ
47	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	14.010	3.510	3.510	3.510	3.480	34.954.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Cần Thơ
48	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 121	Cần Thơ
49	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.320	1.080	1.080	1.080	1.080	10.778.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bình Thủy	Cần Thơ
50	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	120	540	540	540	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Cái Răng	Cần Thơ
51	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	11.160	2.430	2.700	2.970	3.060	27.844.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Liễu Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
52	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk
53	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	150	60	60	60	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Đắk Lắk
54	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.740	390	450	450	450	4.341.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông
55	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.980	450	450	540	540	4.940.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cư Jút	Đắk Nông
56	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	150	180	180	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil	Đắk Nông
57	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông
58	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	Điện Biên
59	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	330	60	90	90	90	823.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên
60	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Mường Lay	Điện Biên
61	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	Đồng Nai

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
62	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	15.110	3.650	3.750	3.840	3.870	37.699.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp
63	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	35.380	8.500	8.760	9.030	9.090	88.273.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp
64	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.540	2.310	1.350	1.440	1.440	16.317.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp
65	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Hà Giang
66	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nam	Hà Nam
67	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lý Nhân	Hà Nam
68	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Liêm	Hà Nam
69	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.640	2.610	1.800	2.070	2.160	21.556.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	Hà Nội
70	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.825	4.185	2.880	2.880	2.880	31.998.375	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đồng Đa	Hà Nội
71	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội
72	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	810	630	630	630	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Hà Nội
73	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.610	630	630	600	750	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội
74	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.610	630	630	750	600	6.511.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Phổi Hà Nội	Hà Nội
75	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.030	1.440	1.530	1.530	1.530	15.044.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Mai Hương	Hà Nội
76	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.230	270	270	330	360	3.068.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ	Hà Nội
77	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.150	1.260	630	630	630	7.859.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa -50 Hàng Bùn -	Hà Nội
78	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.890	2.280	2.610	0	0	12.200.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội
79	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.370	0	0	2.670	2.700	13.398.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa miền Đông	Hà Nội
80	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.360	420	630	590	720	5.888.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội
81	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.700	900	900	1.000	900	9.231.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa khoa Số 3	Hà Nội
82	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.170	1.440	1.620	1.710	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám đa khoa Linh Đàm quận Hoàng Mai	Hà Nội

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
83	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.930	6.930	3.930	4.020	4.050	47.230.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Phòng khám đa khoa Trung Tâm (TTYT) quận Long Biên	Hà Nội
84	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Phòng khám Đa Khoa Trung tâm y tế Quận Thanh Xuân	Hà Nội
85	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS CDC Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
86	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.850	7.650	4.230	4.470	4.500	52.020.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Hải Dương
87	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	17.520	4.200	4.350	4.470	4.500	43.712.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng
88	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.380	3.240	3.330	3.390	3.420	33.383.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng
89	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	Hải Phòng
90	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.290	1.050	1.080	1.080	1.080	10.703.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng
91	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.650	1.140	1.170	1.170	1.170	11.601.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng
92	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.140	1.500	840	900	900	10.329.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	Hải Phòng
93	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Y Tế Huyện An Dương	Hải Phòng
94	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Y tế huyện Cát Hải	Hải Phòng
95	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng
96	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	1.440	810	810	810	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm y tế quận Hải An	Hải Phòng
97	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung Tâm y tế Quận Hồng Bàng	Hải Phòng
98	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.240	2.280	1.260	1.350	1.350	15.568.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung Tâm Y tế quận Lê Chân	Hải Phòng
99	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Y tế quận Đồ Sơn	Hải Phòng
100	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.820	490	450	480	400	4.540.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang
101	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.840	500	450	480	410	4.590.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	Hậu Giang
102	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.710	570	1.770	1.770	600	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
103	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.000	1.200	2.100	2.100	600	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hải Nội	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
104	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.860	300	360	600	600	4.640.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình
105	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.720	780	990	930	1.020	9.281.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình
106	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000	19.960.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình
107	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.640	880	880	910	970	9.081.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Lạc Sơn	Hòa Bình
108	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	120	30	30	30	30	299.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình
109	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	240	60	60	60	60	598.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Mai Châu	Hòa Bình
110	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.070	570	450	510	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Quân y 175	Hồ Chí Minh
111	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh
112	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.600	1.650	1.650	1.650	1.650	16.467.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Hồ Chí Minh
113	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	675	180	180	180	135	1.684.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh
114	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.575	420	420	420	315	3.929.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Hồ Chí Minh
115	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.600	3.150	3.150	3.150	3.150	31.437.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Hồ Chí Minh
116	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	0	180	0	180	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
117	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	0	180	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
118	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.820	2.205	2.205	2.205	2.205	22.005.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quân 11)	Hồ Chí Minh
119	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh
120	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.190	540	540	540	570	5.464.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức- cơ sở 2	Hồ Chí Minh
121	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	14.970.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
122	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	6.150	1.537	1.537	1.538	1.538	15.344.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y tế Quận 1 - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
123	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	870	870	870	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y Tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh
124	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	480	120	120	120	120	1.197.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh
125	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	690	170	170	170	180	1.721.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	Hồ Chí Minh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
126	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.120	780	780	780	780	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Cu Chi)	Hồ Chí Minh
127	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.090	780	780	780	750	7.709.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS(Thuộc Trung tâm Y tế huyện Cu Chi)	Hồ Chí Minh
128	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.875	0	5.437	0	5.438	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuốc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh
129	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.875	5.437	0	5.438	0	27.133.125	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám Đa Khoa Thuốc Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Chánh	Hồ Chí Minh
130	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.350	990	1.080	1.380	900	10.853.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
131	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.800	990	1.080	1.380	1.350	11.976.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 10- Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
132	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	405	405	405	405	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 12	Hồ Chí Minh
133	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh
134	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	22.390	5.597	5.597	5.597	5.599	55.863.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 3 - Cơ Sở 4	Hồ Chí Minh
135	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh
136	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	18.540	4.635	4.635	4.635	4.635	46.257.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận 4 - cơ sở 3	Hồ Chí Minh
137	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.860	2.700	2.700	2.700	2.760	27.095.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh
138	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.920	2.730	2.730	2.730	2.730	27.245.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Quận 5	Hồ Chí Minh
139	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.348	1.837	1.837	1.837	1.837	18.333.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
140	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.352	1.838	1.838	1.838	1.838	18.343.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Quận 6 - Cơ Sở 2	Hồ Chí Minh
141	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.230	2.550	2.550	2.550	2.580	25.523.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh
142	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.320	2.580	2.580	2.580	2.580	25.748.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm y tế quận 7	Hồ Chí Minh
143	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	11.220	1.350	2.910	3.540	3.420	27.993.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh
144	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	40.020	12.000	10.020	9.000	9.000	99.849.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuốc Trung tâm Y tế Quận 8	Hồ Chí Minh
145	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	840	210	210	210	210	2.095.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh
146	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	960	240	240	240	240	2.395.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	Hồ Chí Minh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
147	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	49.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
148	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	20.500	5.125	5.125	5.125	5.125	51.147.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
149	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh
150	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	13.770	3.420	3.450	3.450	3.450	34.356.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	Hồ Chí Minh
151	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	9.700	2.425	2.425	2.425	2.425	24.201.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
152	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	29.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
153	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	10.080	2.160	2.220	3.450	2.250	25.149.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
154	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	10.170	2.190	2.250	3.480	2.250	25.374.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ QUÂN TÂN PHÚ - CƠ SỞ 2	Hồ Chí Minh
155	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
156	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	23.100	5.775	5.775	5.775	5.775	57.634.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Bình Thạnh - cơ sở 2	Hồ Chí Minh
157	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	7.200	1.800	1.800	1.800	1.800	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
158	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.358	948	1.260	1.530	1.620	13.368.210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
159	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.470	1.800	1.890	1.890	1.890	18.637.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Kiên Giang
160	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.330	1.050	690	780	810	8.308.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang	Kiên Giang
161	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.850	230	540	540	540	4.615.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	Kiên Giang
162	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp Hà Tiên	Kiên Giang
163	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang
164	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang
165	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	540	450	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Huyện Tân Hiệp	Kiên Giang
166	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.680	1.740	1.860	2.010	2.070	19.161.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Tp. Rạch Giá Kiên Giang	Kiên Giang
167	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang
168	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
169	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	990	180	270	270	270	2.470.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Kon Tum
170	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Ngoại trú TTYT Cam Ranh	Khánh Hòa
171	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa
172	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	360	180	180	180	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	Lạng Sơn
173	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.070	450	540	540	540	5.164.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên	Lào Cai
174	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	Lào Cai
175	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa	Lào Cai
176	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai
177	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.950	600	450	450	450	4.865.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Huyện Văn Bàn	Lào Cai
178	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng
179	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.370	1.920	2.040	2.160	2.250	20.883.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Long An	Long An
180	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.120	600	750	870	900	7.784.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Lức	Long An
181	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	1.890	450	450	450	540	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Cần Đước	Long An
182	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.170	360	270	270	270	2.919.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Thủ Thừa	Long An
183	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.680	600	360	360	360	4.191.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định
184	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.610	1.800	1.800	1.800	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Nam Định
185	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	630	360	450	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình
186	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình
187	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	900	450	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư	Ninh Bình
188	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	Ninh Thuận
189	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	450	450	450	450	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	Ninh Thuận

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
190	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	180	180	180	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	Ninh Thuận
191	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.730	3.330	1.800	1.800	1.800	21.781.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ninh Thuận
192	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An
193	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.890	780	330	330	450	4.715.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An
194	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	450	270	270	270	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	Nghệ An
195	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Châu	Nghệ An
196	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An
197	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An
198	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Nam Đàn	Nghệ An
199	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.010	2.250	1.710	1.980	2.070	19.984.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ
200	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.990	1.140	1.020	930	900	9.955.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ
201	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.390	810	810	870	900	8.458.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ
202	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.080	270	270	270	270	2.694.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA HIV/AIDS VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT THUỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	Phú Yên
203	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.870	900	990	990	990	9.655.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình
204	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	2.400	600	600	600	600	5.988.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
205	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.080	1.020	1.020	1.020	1.020	10.179.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
206	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.960	990	990	990	990	9.880.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Ha Long	Quảng Ninh
207	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Quảng Ninh
208	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	900	0	0	450	450	2.245.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh
209	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	420	90	150	90	90	1.047.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
210	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.700	540	1.080	540	540	6.736.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Văn Đồn	Quảng Ninh
211	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	720	180	540	0	0	1.796.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh
212	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.250	450	900	450	450	5.613.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh
213	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	630	90	180	180	180	1.571.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BV Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng
214	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	90	90	0	0	0	224.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	Sơn La
215	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.710	360	450	450	450	4.266.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BVĐK Bắc Yên	Sơn La
216	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.490	480	600	690	720	6.212.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La
217	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	315	405	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Sơn La
218	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.670	630	630	690	720	6.661.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu	Sơn La
219	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	Tây Ninh
220	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	8.400	1.920	2.040	2.190	2.250	20.958.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	Tây Ninh
221	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	7.200	1.440	1.710	1.980	2.070	17.964.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang
222	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.580	1.080	1.350	1.530	1.620	13.922.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	Tiền Giang
223	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	38.820	9.450	9.630	9.840	9.900	96.855.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tiền Giang	Tiền Giang
224	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.620	360	360	450	450	4.041.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang
225	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.260	270	270	360	360	3.143.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang
226	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.220	450	540	600	630	5.538.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Na Hàng	Tuyên Quang
227	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.940	1.440	1.440	1.530	1.530	14.820.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang
228	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.710	960	1.110	1.290	1.350	11.751.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung Tâm Y Tế Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang
229	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.800	720	360	360	360	4.491.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng	Thái Bình
230	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HƯNG HẢ	Thái Bình

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
231	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình
232	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.440	360	360	360	360	3.592.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh phụ	Thái Bình
233	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.790	630	720	720	720	6.961.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình
234	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	1.920	570	450	450	450	4.790.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Thái Bình
235	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Thái Bình	Thái Bình
236	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.510	810	900	900	900	8.757.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	Thái Bình
237	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.850	720	720	720	690	7.110.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện A	Thái Nguyên
238	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.160	660	450	510	540	5.389.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên
239	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	290	0	0	0	290	723.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên
240	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	180	180	0	0	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
241	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	5.550	2.790	930	930	900	13.847.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
242	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.185	710	720	855	900	7.946.575	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
243	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.175	700	720	855	900	7.921.625	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
244	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	3.360	750	750	810	1.050	8.383.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
245	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	4.620	1.080	1.050	1.140	1.350	11.526.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long
246	A01.N2	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 2	2.495	4.500	0	2.250	2.250	0	11.227.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long
247	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.570	1.320	0	0	2.250	8.907.150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Phòng khám ngoại trú ARV Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long
248	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	180	90	90	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc
249	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái
250	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	360	90	90	90	90	898.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế Huyện Văn Chấn	Yên Bái
251	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Lục Yên	Yên Bái

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	SDK hoặc số GPNK	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn giá	Số lượng	Nhu cầu phân bổ				Thành tiền	Công ty	Cơ sở y tế	Tỉnh
											Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
252	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	3.600	900	900	900	900	8.982.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái
253	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	450	120	120	120	90	1.122.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái
254	A01.N5	Aviranz tablets 600mg	VN3-92-18	Efavirenz	600mg	Viên	Uống	Nhóm 5	2.495	2.880	720	720	720	720	7.185.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Yên Bái

syt_binhphuoc_vt_Van thu SYT Binh Phuoc 07/10/2022 09:29:13